

Bản án số: 1865/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-09-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thúy Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Hữu Luân,  
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 19 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1022/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **T.T.P.T.**, sinh năm 1972,

Thường trú: Tổ 3 phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Cư trú: Vũ Tùng, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **L.H.T.**, sinh năm 1970,

Thường trú: Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Nguyên đơn bà T.T.P.T. trình bày:*

Bà và ông L.H.T. tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ngày 05/09/2008. Năm 2020, bà bị nhiễm bệnh Covid nhưng không được sự hỗ trợ từ ông L.H.T. nên vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn vì bà cảm thấy bị bỏ rơi. Thêm vào đó, gia đình ông L.H.T. thường xuyên xua đuổi bà khi vợ chồng bà cãi vã nên bà đề nghị ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên L.Q.A.T, sinh ngày 27/12/2009 và L.Q.C.T, sinh ngày 26/09/2012. Bà đề nghị nuôi trẻ C.T và giao trẻ A.T cho ông L.H.T. nuôi dưỡng; Không bên nào cấp dưỡng cho nhau. Hai trẻ đang sống với ông L.H.T. từ tháng 07/2022.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông L.H.T. trình bày:*

Cả gia đình gồm bà nội, vợ chồng ông và hai con, em trai của ông đều bị nhiễm Covid phải vào bệnh viện dã chiến. Ông vẫn cùng chăm sóc cả gia đình chứ không như lời trình bày của bà Trang. Khi vợ chồng ông bà cãi vã lớn tiếng nhau trước mặt con và bà nội của các cháu thì gia đình ông can ngăn để tránh ảnh hưởng đến hai con. Hai vợ chồng có mâu thuẫn đỉnh điểm khi bà T.T.P.T. đi chơi chỉ nói với mẹ và em trai của ông nhưng không thông báo cho ông biết là không tôn trọng ông. Trong cuộc sống có nhiều lần nói chuyện hoà giải nhưng ông vẫn không nhận được sự tôn trọng từ bà T.T.P.T. nên ông đồng lý hôn bà T.T.P.T..

Về con chung: Có hai con chung tên L.Q.A.T, sinh ngày 27/12/2009 và L.Q.C.T, sinh ngày 26/09/2012. Ông đề nghị không tách hai con vì trẻ A.T bị chậm phát triển sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ A.T nên ông đề nghị được nuôi hai con chung, và yêu cầu bà T.T.P.T. cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 1.000.000 đồng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà T.T.P.T. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.H.T., trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội

dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.T.P.T., giao hai con chung tên L.Q.A.T và L.Q.C.T cho ông L.H.T. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà T.T.P.T. cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 2.000.000 đồng, bà T.T.P.T. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:**

Xét bà T.T.P.T. khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L.H.T., cư trú tại Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 95 Quyển số 01/2008 ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà T.T.P.T. và ông L.H.T. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T.T.P.T. và ông L.H.T. đã được giải thích, hòa giải, động viên đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T.T.P.T. vẫn giữ yêu cầu ly hôn ông L.H.T. và ông L.H.T. đồng ý ly hôn bà T.T.P.T. vì không thể níu kéo hạnh phúc gia đình được nữa. Xét bà T.T.P.T. và ông L.H.T. tại phiên tòa thật sự tự nguyện ly hôn, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Bà T.T.P.T. và ông L.H.T. thuận tình ly hôn.

#### **[3] Về con chung:**

Theo trình bày của bà T.T.P.T. và ông L.H.T., ông L.H.T. bà T.T.P.T. có hai con chung tên Lê Quỳnh Anh Thư, sinh ngày 27/12/2009 và Lê Quỳnh Cẩm Tú, sinh ngày 26/09/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T.T.P.T. đề nghị trực tiếp nuôi trẻ Lê Quỳnh Cẩm Tú và bị đơn ông L.H.T. nuôi trẻ Lê Quỳnh Anh Thư; bị đơn ông L.H.T. đề nghị trực tiếp nuôi hai con chung vì trẻ Anh Thư bị bệnh chậm phát triển nên không thể tách trẻ Cẩm Tú khỏi trẻ Anh Thư vì sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ Anh Thư.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/07/2022, mặc dù trẻ C.T thể hiện mong muốn được sống với mẹ trong trường hợp ba mẹ không ở cùng với nhau và sẽ học ở quê nếu mẹ ở quê nhưng trẻ C.T cũng thể hiện mong muốn về quê cùng mẹ thăm ông ngoại và muốn được học tập ở Sài Gòn. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xem xét các điều kiện để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của trẻ C.T và A.T khi giải quyết ly hôn giữa bà T.T.P.T. và ông L.H.T..

Tại phiên tòa, bà T.T.P.T. và ông L.H.T. thừa nhận trẻ L.Q.A.T và trẻ L.Q.C.T hiện đang sống cùng với ba tên L.H.T. tại địa chỉ Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời tại phiên tòa, bà T.T.P.T. và ông L.H.T. thừa nhận trẻ L.Q.A.T được phát hiện bệnh chậm phát triển khi trẻ A.T gần được ba tuổi và liên tục được chữa trị cho đến nay tuy có phần thuyên giảm nhưng trẻ L.Q.A.T hiện vẫn đang được hưởng trợ cấp khuyết tật theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ phù hợp với trả lời xác minh ngày 13/09/2022 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, và trẻ A.T cần môi trường sống quen thuộc, không chịu thay đổi môi trường. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần tiếp tục giao trẻ A.T cho ông L.H.T. tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo ổn định môi trường sống của trẻ Anh Thư.

Tại phiên tòa, bà T.T.P.T. trình bày hiện đang ở trọ và hoàn cảnh hiện tại khó khăn về kinh tế chỉ có thể nuôi một trẻ nên bà T.T.P.T. đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng trẻ C.T, và trong một hoặc hai năm tới, khi khả năng nuôi con tăng thì bà T.T.P.T. sẽ nuôi trẻ A.T. Xét hoàn cảnh thực tế và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy hai trẻ A.T, học tại trường Rạng Đông (quận Bình Thạnh), và C.T, học tại trường tiểu học Tô Vĩnh Diện (quận Bình Thạnh), hiện đang có mối liên hệ tình cảm chị em bền chặt, tác động tương trợ, hỗ trợ nhau về mặt tâm lý, thể chất và trí lực, đây là một yếu tố quan trọng giúp cho trẻ A.T về mặt tâm lý, sức khỏe nên việc chia cắt hai chị em C.T và A.T là điều không nên thực hiện để tránh xáo trộn tâm lý và đảm bảo cho sự phát triển bình thường (sinh hoạt và học tập) của hai trẻ, đặc biệt là trẻ A.T. Đồng thời tại phiên tòa, bà T.T.P.T. thừa nhận ông L.H.T. có thương yêu hai trẻ và có đảm bảo tình yêu thương dành cho hai con trẻ A.T, C.T. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tình hình thực tế và nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt tốt nhất cho sự phát triển của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để giao hai trẻ tên L.Q.A.T, sinh ngày 27/12/2009 và L.Q.C.T, sinh ngày 26/09/2012 cho ông L.H.T. được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên yêu cầu của bà T.T.P.T. đề nghị nuôi trẻ C.T là không có cơ sở chấp nhận

Xét bà T.T.P.T., tại phiên tòa, đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trong trường hợp hai trẻ được giao cho ông L.H.T. nuôi dưỡng và ông L.H.T. cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này nên căn cứ Điều 110, Điều 116 và khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T.T.P.T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Thi hành bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho ông L.H.T..

**[4] Về tài sản chung:**

Bà T.T.P.T. và ông L.H.T. không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5] Về án phí sơ thẩm:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà T.T.P.T. phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân như sau: Bà T.T.P.T. và ông L.H.T. thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Giao hai con chung tên L.Q.A.T, sinh ngày 27/12/2009 và L.Q.C.T, sinh ngày 26/09/2012 cho ông L.H.T. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Bà T.T.P.T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Thi hành bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho ông L.H.T..

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T.T.P.T. phải chịu, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0049768 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T.T.P.T. đã nộp đủ án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

4.2. Án phí sơ thẩm giải quyết cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T.T.P.T. phải chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**